Số: 4349733

	FRONTIER K200 - Thùng kín - Tôn kẽm	TOWNER V2.3-2S
Giá niêm yết:	**424.900.000đ**	**269.000.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.270 x 1.850 x 2.650 mm	4.200 x 1.690 x 2000 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.200 x 1.670 x 1.830 mm (9,78 m³)	2.325 x 1.505 x 1.240 mm (4,33 m³)
Chiều dài cơ sở	2.615 mm	2.700 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.490 / 1.340 mm	1.450/1.455 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.900 kg	1.165 kg
Khối lượng chở cho phép	1.900 kg	945 kg
Khối lượng toàn bộ	3.995 kg	2.240 kg
Khối lượng kéo theo	-	-
Số chỗ ngồi	3	2 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	HYUNDAI – D4CB	JL473QH
Loại động cơ	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng, tăng áp,phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)	Động cơ xăng 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, làm mát bằng dung dịch
Dung tích xi lanh	2.497 cc	1.480 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	130 / 3.800 Ps/(vòng/phút)	107/6.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	255 / 1.500~3.500 N.m/(vòng/phút)	141/4.000 - 5.000 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí
Hộp số	M6AR1 – 6MT. Cơ khí, số sàn, 6 số tiến, 1 số lùi	MR515 M (hộp số có tỉ số truyền tăng)
Tỷ số truyền	ih1=4,271; ih2=2,248; ih3=1,364; ih4=1,000; ih5= 0,823; ih6= 0,676; iR=3,814	ih1 = 3,992; ih2 = 2,172; ih3 = 1,434; ih4 = 1; ih5 = 0,798; iR = 4,452
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Thủy lực, Trước đĩa/Sau tang trống, trợ lực chân không	Phanh thủy lực, trước đĩa, sau tang trống, có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, thanh xoắn, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực	Macpherson
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	195R15C/155R12C	175/70R14LT
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	37,3%	>= 20%
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,2 m	5.75 m
Tốc độ tối đa	115 km/h	109 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	65 lít	43 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng – bánh răng, trợ lực thủy lực	Thanh răng – bánh răng Trợ lực điện